

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu.
 - 1.1 Tên dự án: Chuyển loại rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng.
 - 1.2 Tên gói thầu: Tư vấn chuyển loại rừng Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng.
 - 1.3. Chủ đầu tư: Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng.
 - 1.4. Địa điểm xây dựng: Ấp Phương Hòa, Xã Phương Bình, TP Cần Thơ.
 - 1.5. Nguồn vốn thực hiện: Kinh phí chi thường xuyên ngân sách thành phố;
 - 1.8. Thời gian thực hiện: 120 ngày.
2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu tư vấn: lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng hồ sơ chuyển loại rừng Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng

II. Phạm vi công việc:

II.1 NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Công tác chuẩn bị, xây dựng đề cương
 - a) Chuẩn bị tài liệu và bản đồ;
 - b) Xây dựng đề cương và dự toán kinh phí.
 - c) Chuẩn bị về kỹ thuật và trang thiết bị;
 - d) Chuẩn bị về tổ chức;
2. Điều tra, xây dựng các chuyên đề
 - a) Đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng dân sinh, kinh tế - xã hội.
 - b) Đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng đất.
 - c) Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng rừng, hiện trạng rừng và các hệ sinh thái tự nhiên.
 - d) Điều tra, đánh giá các giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; khoa học, thực nghiệm, giáo dục môi trường và cung ứng dịch vụ môi trường rừng.
 - e) Xác định phạm vi ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng, các phân khu và vùng đệm trên bản đồ.
 - f) Xác định các chương trình hoạt động, phương án ổn định đời sống dân cư vùng đệm, giải pháp thực hiện và tổ chức quản lý.

g) Xác định khái toán vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư; kinh phí thường xuyên cho các hoạt động bảo vệ rừng, bảo tồn, nâng cao đời sống người dân; hiệu quả đầu tư.

h) Tổ chức thực hiện dự án.

3. Xây dựng hồ sơ chuyển loại rừng Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng

a) Xây dựng thuyết minh phương án chuyển loại rừng;

b) Xây dựng bản đồ hiện trạng, bản đồ kế hoạch quản lý các khu vực chuyển đổi.

II. 2. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác chuẩn bị, xây dựng đề cương

1.1. Chuẩn bị tài liệu và bản đồ

a) Thu thập các tài liệu và bản đồ có liên quan, cụ thể:

- Thu thập tài liệu nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, lập địa...;

- Thu thập và tổng hợp các văn bản, tài liệu hướng dẫn, các sản phẩm nghiên cứu, bản đồ liên quan đến việc chuyển loại rừng;

- Thu thập tài liệu nghiên cứu về xã hội trong khu vực;

- Thu thập toàn bộ số liệu về tài nguyên rừng và hiện trạng sử dụng đất;

- Thu thập các loại bản đồ về thảm thực vật, bản đồ hiện trạng rừng mới nhất, bản đồ lập địa, bản đồ đất, bản đồ ranh giới hành chính, ranh giới tiểu khu, khoảnh, ranh giới quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

b) Đánh giá tài liệu và bản đồ: Đánh giá sơ bộ toàn bộ tài liệu và bản đồ hiện có để xác định giá trị sử dụng và tham khảo, tìm ra những điểm cần phải tiến hành điều tra bổ sung hoặc điều tra mới.

1.2. Xây dựng đề cương và dự toán kinh phí

a) Xây dựng đề cương chi tiết của nhiệm vụ, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Xây dựng dự toán kinh phí chi tiết của nhiệm vụ.

1.3. Chuẩn bị về kỹ thuật và trang thiết bị

a) Xây dựng đề cương kỹ thuật chuẩn bị thực hiện Dự án chuyển loại rừng.

b) Thống nhất các biện pháp kỹ thuật thực hiện.

c) Chuẩn bị trang thiết bị cần thiết phục vụ điều tra khảo sát và xây dựng Dự án chuyển loại rừng.

1.4. Chuẩn bị về tổ chức

a) Trình duyệt đề cương kỹ thuật;

b) Tổ chức tổ công tác điều tra và xây dựng Dự án chuyển loại rừng.

2. Điều tra xây dựng các chuyên đề

2.1. Đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng dân sinh, kinh tế - xã hội

a) Mục tiêu

Bổ sung, cập nhật, nắm bắt được các thông tin liên quan đến điều kiện tự nhiên, dân sinh, kinh tế, xã hội; thông tin về thực trạng công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thực trạng các cơ sở kinh doanh, cơ sở hạ tầng, giao thông; kết quả của các dự án, chương trình liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã và đang triển khai.

b) Nội dung

- Đánh giá các đặc điểm và tình hình tự nhiên, phân bố dân cư, lao động, đặc điểm dân tộc, đặc điểm văn hóa và phong tục tập quán tập trung ở các xã vùng đệm và vùng lõi (nếu có);

- Đánh giá thực trạng sản xuất nông nghiệp, thủy sản, chế biến nông sản và các ngành nghề thủ công... nhằm rút ra các bài học kinh nghiệm để tìm giải pháp nâng cao sản lượng cây trồng, vật nuôi và phát triển các ngành nghề khác có hiệu quả;

- Điều tra đánh giá thực trạng sản xuất lâm nghiệp bao gồm: Các hoạt động sản xuất chính như trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng, giao đất giao rừng,...;

- Điều tra điều kiện sống và sinh hoạt của các hộ gia đình nhằm xác định giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình.

- Phân tích đánh giá tác động của tất cả các hoạt động kinh tế xã hội nói trên đến công tác bảo tồn nhằm đề xuất các giải pháp giảm thiểu sức ép của người dân đến khu rừng đặc dụng.

c) Phương pháp

- Thu thập các thông tin thứ cấp: Niên giám thống kê của tỉnh, thành phố, thị xã, xã; phường, các báo cáo tổng kết hàng năm của các cấp chính quyền; chiến lược và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội;

- Thông qua phỏng vấn, làm việc: đến các phòng ban chức năng của các xã có rừng để phỏng vấn, thu thập bổ sung các số liệu, báo cáo thống kê đã cập nhật tới thời điểm xây dựng dự án về: Tình hình dân cư; báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội; báo cáo thực trạng giáo dục, ý tế, văn hóa; thực trạng công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, thực trạng cơ sở hạ tầng về giao thông trong khu vực,...; Lựa chọn một số thôn, cộng đồng dân cư sống trong và quanh khu vực có rừng tiến hành phỏng vấn, thu thập các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

d) Sản phẩm

Bảng số liệu tổng hợp đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng dân sinh, kinh tế - xã hội.

2.2. Đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng đất

a) Mục tiêu

Cập nhật hiện trạng diện tích các trạng thái rừng và đất lâm nghiệp, cập nhật bản đồ hiện trạng sử dụng đất, thống kê diện tích các trạng thái rừng, các hiện trạng sử dụng đất trên toàn bộ diện tích rừng Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng.

b) Nội dung

- Xác định hiện trạng rừng theo các trạng thái rừng quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT về điều tra rừng và theo dõi diễn biến rừng và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

- Xác định hiện trạng sử dụng đất trong ranh giới khu vực rừng đặc dụng.

c) Phương pháp

- Kế thừa kết quả Phương án QLRBV giai đoạn 2021-2030, phương án Sử dụng đất giai đoạn 2021-2030; các kết quả điều tra diện tích rừng, theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang hằng năm;

d) Sản phẩm

Bản đồ hiện trạng khu vực dự kiến chuyển đổi tại Khu BTTN Lung Ngọc Hoàng, tỷ lệ 1/10.000;

2.3. Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng rừng, hiện trạng rừng và các hệ sinh thái tự nhiên

a) Mục tiêu

Xác định được các thông tin về hiện trạng quản lý, sử dụng rừng, hiện trạng rừng và các chỉ tiêu trữ lượng, cấu trúc, tái sinh rừng với rừng tự nhiên, tính toán, xác định được trữ lượng, chất lượng rừng trồng, xác định được trữ lượng, phân bố lâm sản ngoài gỗ (nếu có).

b) Nội dung

- Đánh giá đặc điểm lâm học của các kiểu rừng như thành phần, cấu trúc và các giá trị về tài nguyên thiên nhiên của từng kiểu rừng tại khu vực dự kiến chuyển đổi.

- Tính toán, xử lý tài liệu và viết báo cáo điều tra, đánh giá hiện trạng rừng và các hệ sinh thái.

c) Phương pháp

- Kế thừa kết quả Phương án QLRBV giai đoạn 2021-2030, phương án Sử dụng đất giai đoạn 2021-2030; các kết quả điều tra diện tích rừng; điều tra trữ lượng rừng tự nhiên; theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

- Xác định số lượng ô tiêu chuẩn (OTC) cần lập được căn cứ vào bản đồ theo dõi diễn biến rừng, bản đồ kiểm kê rừng, các bảng số liệu thống kê về hiện trạng

rừng mới nhất và theo hướng dẫn tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT để tiến hành tính toán số lượng OTC cần lập trên đối tượng rừng trồng cho toàn bộ diện tích rừng của Khu BTTN Lung Ngọc Hoàng;

- Phương pháp lập và điều tra thu thập thông tin cho các đối tượng rừng khác nhau trong các ô tiêu chuẩn được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

d) Sản phẩm

Kết quả số liệu điều tra, đánh giá hiện trạng rừng và các hệ sinh thái tự nhiên.

2.4. Đánh giá đa dạng sinh học, nguồn gen sinh vật

a) Mục tiêu

Đánh giá được mức độ đa dạng sinh học về động vật, thực vật rừng, xác định được các cá thể loài cần được bảo vệ và các sinh cảnh sống của chúng, từ đó xác định được các khu vực có tầm quan trọng về sinh thái cần được bảo vệ và xây dựng kế hoạch bảo vệ.

b) Nội dung

- Rà soát, đánh giá đa dạng thực vật rừng chủ yếu, xây dựng danh lục thực vật rừng;

- Rà soát, đánh giá đa dạng động vật rừng (thú, chim, bò sát, ếch nhái, côn trùng), xây dựng danh lục động vật rừng;

- Xây dựng danh lục loài thực vật nguy cấp, quý hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ IUCN;

- Xây dựng danh lục loài động vật nguy cấp, quý hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ IUCN;

- Phân tích tình hình, những thuận lợi, khó khăn đối với công tác bảo tồn đa dạng sinh học của khu vực dự kiến chuyển đổi.

c) Phương pháp

- Kế thừa các kết quả nghiên cứu đa dạng thực vật và động vật từ các đề tài, dự án đã thực hiện trên khu vực tỉnh Hậu Giang;

- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu, xây dựng danh lục loài thực vật, động vật nguy cấp, quý hiếm theo quy định của pháp luật và sách đỏ Việt Nam; Danh lục đỏ IUCN cho khu vực dự kiến chuyển đổi.

d) Sản phẩm

Danh lục các loài thực vật, động vật và danh lục các loài nguy cấp, quý hiếm cho khu vực dự kiến chuyển đổi.

2.5. Điều tra, đánh giá các giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; khoa học, thực nghiệm, giáo dục môi trường và cung ứng dịch vụ môi trường rừng

a) Mục tiêu

Điều tra, đánh giá các giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; khoa học, thực nghiệm, giáo dục môi trường và cung ứng dịch vụ môi trường rừng có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến công tác quản lý, bảo vệ, bảo tồn hiện trạng tại khu vực dự kiến chuyển đổi.

b) Nội dung

- Điều tra, xác định các khu vực có giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan;
- Điều tra các giá trị tiềm năng cho du lịch sinh thái về tự nhiên và văn hóa xã hội. Cụ thể, điều tra mô tả và đánh giá giá trị của cảnh quan tự nhiên, các địa điểm di tích lịch sử văn hoá và các vấn đề tiềm năng khác cho du lịch;
- Đánh giá các tác động (tiêu cực, tích cực) của các tiềm năng du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; khoa học, thực nghiệm, giáo dục môi trường và cung ứng dịch vụ môi trường rừng đến công tác quản lý, bảo vệ, bảo tồn hiện trạng tại khu vực dự kiến chuyển đổi.

c) Phương pháp

- Thu thập các thông tin thứ cấp: Niên giám thống kê của tỉnh, thành phố, thị xã, xã; phường, các báo cáo tổng kết hàng năm của các cấp chính quyền; chiến lược và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội;
- Thông qua phỏng vấn, làm việc: Phỏng vấn cán bộ của Khu BTTN Lung Ngọc Hoàng; phỏng vấn các hộ dân sống quanh các khu rừng đặc dụng; phỏng vấn cán bộ văn hóa thông tin về các khu vực có giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan, du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thuộc khu vực quản lý củ Khu BTTN Lung Ngọc Hoàng;
- Xác định các địa điểm có giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan, du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thuộc các khu rừng đặc dụng và thể hiện trên bản đồ hiện trạng.

d) Sản phẩm

Số liệu điều tra, đánh giá các giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; khoa học, thực nghiệm, giáo dục môi trường và cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

2.6. Xác định các mục tiêu chuyên loại rừng

a) Nội dung

- Xác định mục tiêu xã hội;

- Xác định mục tiêu môi trường;
- Xác định mục tiêu kinh tế.

b) Phương pháp

- Xác định các mục tiêu căn cứ trên hiện trạng thực tế của các đơn vị.
- Tham vấn, làm việc với lãnh đạo, cán bộ của các đơn vị để xác định các mục tiêu phù hợp nhất.

c) Sản phẩm

Mục tiêu chuyển loại rừng (trong thuyết minh dự án).

2.7. Xác định phạm vi ranh giới, diện tích khu vực chuyển loại rừng

a) Mục tiêu

Xác định phạm vi ranh giới, diện tích chuyển loại rừng trên bản đồ nhằm xây dựng kế hoạch quản lý cho từng khu vực hiệu quả nhất.

b) Nội dung

- Xác định tiêu chí chuyển loại rừng;
- Đề xuất các giải pháp quản lý cho khu vực chuyển loại rừng.

c) Phương pháp

- Phỏng vấn: Cán bộ của Khu BTTN Lung Ngọc Hoàng và người dân địa phương để xác định ranh giới các phân khu trong rừng đặc dụng;
- Khoanh vẽ trên bản đồ để xác định khu vực dự kiến chuyển đổi;

d) Sản phẩm

- Bản đồ khu vực dự kiến chuyển đổi;
- Bảng số liệu về diện tích khu vực dự kiến chuyển đổi.

2.8. Xác định các chương trình hoạt động, phương án ổn định đời sống dân cư vùng đệm, giải pháp thực hiện và tổ chức quản lý

a) Mục tiêu

Xác định các chương trình hoạt động, phương án ổn định đời sống dân cư vùng đệm, giải pháp thực hiện và tổ chức quản lý nhằm quản lý, bảo vệ và phát triển tiềm năng của khu vực dự kiến chuyển đổi.

b) Nội dung

- Xác định các dịch vụ mà cộng đồng có nhu cầu và chủ rừng có khả năng hỗ trợ;
- Xác định các chương trình dự án hỗ trợ phát triển vùng đệm (dự án trồng rừng vùng đệm, dự án hỗ trợ sinh kế...);
- Xác định khối lượng, đối tượng liên quan và thời gian thực hiện cho từng hoạt động hỗ trợ cộng đồng;

- Xác định các hình thức, nguyên tắc, phương pháp thực hiện hỗ trợ dịch vụ cộng đồng;

- Xác định các giải pháp thực hiện và tổ chức.

c) Phương pháp

- Sử dụng phương pháp chuyên gia kết hợp tham vấn cán bộ KTBTN và cộng đồng địa phương để xác định các dịch vụ cộng đồng;

- Phương pháp xác định các giải pháp: Dựa trên kết quả tổng hợp phân tích các chính sách hiện hành về quản lý, tổ chức, phát triển nguồn nhân lực, các chính sách về phát triển khoa học công nghệ... và thông qua các tham vấn, thảo luận, xác định tiềm năng các hoạt động đề kêu gọi xã hội hóa các hoạt động quản lý rừng bền vững. Các giải pháp thực hiện cần cụ thể, khả thi, phù hợp với các chính sách hiện hành và xu hướng phát triển trong tương lai.

d) Sản phẩm

Kế hoạch hoạt động, phương án ổn định đời sống dân cư vùng đệm, giải pháp thực hiện và tổ chức quản lý.

2.9. Xác định khái toán vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư, kinh phí thường xuyên cho các hoạt động bảo vệ rừng, nâng cao đời sống người dân, hiệu quả đầu tư

a) Mục tiêu

Xây dựng được bản khái toán vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư cho nhiệm vụ chuyển đổi rừng.

b) Nội dung

- Xác định khái toán vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư;

- Xác định kinh phí thường xuyên cho các hoạt động bảo vệ rừng, nâng cao đời sống người dân;

- Đánh giá hiệu quả đầu tư.

c) Phương pháp

Áp dụng các định mức hiện còn hiệu lực cấp Trung ương, cấp thành phố. Các định mức được xây dựng bám sát nội dung đã dự kiến, đảm bảo hiệu quả.

d) Sản phẩm

Khái toán vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư xây dựng khu rừng đặc dụng; kinh phí thường xuyên cho các hoạt động bảo vệ rừng, nâng cao đời sống người dân, hiệu quả đầu tư cho từng đơn vị (trong thuyết minh dự án).

2.10. Tổ chức thực hiện dự án

a) Mục tiêu

Xác định các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cho các đơn vị có liên quan để thực hiện dự án để đảm bảo thực hiện hiệu quả.

b) Nội dung

- Phân công nhiệm vụ cho các đơn vị có liên quan để thực hiện dự án;
- Xác định các giải pháp thực hiện.

c) Phương pháp

- Xác định các mục tiêu căn cứ trên hiện trạng thực tế của các đơn vị.
- Tham vấn, làm việc với lãnh đạo, cán bộ của các đơn vị để xác định các mục tiêu phù hợp nhất.

d) Sản phẩm

Tổ chức thực hiện dự án (trong thuyết minh dự án).

3. Xây dựng thuyết minh dự án chuyển loại rừng

a) Mục đích

Trên cơ sở các kết quả điều tra chuyên đề, xây dựng báo cáo thuyết minh dự án chuyển loại rừng với các nội dung chứng minh được sự cần thiết phải thực hiện, luận chứng đầy đủ về ranh giới, diện tích, dự kiến các chương trình hoạt động và các giải pháp quản lý cho khu vực chuyển loại rừng.

b) Nội dung

- Tổng hợp tài liệu từ các chuyên đề nêu trên;
- Xây dựng báo cáo thuyết minh dự án chuyển loại rừng Khu BTTN Lung Ngọc Hoàng;
- Tổ chức hội nghị tham vấn các bên liên quan về việc chuyển loại rừng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

c) Phương pháp

- Tổng hợp các báo cáo chuyên đề: phân tích những kết quả của chuyên đề để đánh giá các giá trị về mặt tự nhiên và các điều kiện xã hội, kết hợp với các thông tin điều tra bổ sung làm cơ sở quy hoạch, điều chỉnh ranh giới, các phân khu chức năng, xây dựng các chương trình, cũng như đề xuất các giải pháp thực hiện trong dự án;

- Chính lý số liệu ngoại nghiệp và tính toán nội nghiệp;

- Xây dựng báo cáo thuyết minh dự án chuyển loại rừng với các nội dung chứng minh được sự cần thiết phải thành lập, luận chứng đầy đủ về ranh giới, diện tích, dự kiến các chương trình hoạt động và các giải pháp quản lý cho khu vực trong điều kiện cụ thể hiện nay;

d) Sản phẩm

Báo cáo thuyết minh dự án chuyển loại rừng Khu BTTN Lung Ngọc Hoàng;

II.3 THÀNH QUẢ GIAO NỘP

1. Thuyết minh dự án chuyển loại rừng và các báo cáo chuyên đề

Số lượng là 10 bộ (tài liệu quyển (giấy) và file điện tử văn bản).

2. Bản đồ hiện trạng khu vực dự kiến chuyển loại rừng

Bản đồ hiện trạng khu vực chuyển loại rừng tỷ lệ 1/10.000 theo hệ quy chiếu VN2000 (Bản đồ giấy và tất cả các file dữ liệu biên tập bản đồ).

3. Dự thảo Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường và dự thảo Quyết định chuyển loại rừng của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: ngay sau khi hợp đồng được ký kết

III. Báo cáo và thời gian thực hiện: Theo yêu cầu chủ đầu tư

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Nhà thầu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về kinh nghiệm và nhân sự quy định trong E-HSMT.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư sẽ cung cấp những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.